

THÔNG BÁO

V/v công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và quy đổi điểm trúng tuyển giữa các phương thức xét tuyển hệ đại học chính quy năm 2025

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, được sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư số 06/2025/TT-BGD&ĐT ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Kế hoạch số 1363/QĐ-BGDĐT ngày 19/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng năm 2025;

Căn cứ Công văn số 2457/BGDĐT-GDĐH ngày 19/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng;

Căn cứ Công văn số 4222/BGDĐT-GDĐH ngày 21/7/2025 về việc đối sánh phổ điểm một số tổ hợp điểm thi trung học phổ thông năm 2025, điểm học tập bậc trung học phổ thông;

Căn cứ Công văn số 2568/ĐHTN-ĐT ngày 23/5/2025 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc hướng dẫn công khai thông tin tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2025.

Căn cứ Thông báo số 3760/TB-ĐHTN ngày 21/7/2025 về Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2025 và Quy đổi điểm tương đương điểm thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT) theo điểm thi tốt nghiệp THPT.

Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh thông báo:

I. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào hệ đại học chính quy năm 2025:

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với phương thức sử dụng kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025;
- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với phương thức sử dụng kết quả học tập trung học phổ thông.

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành	Mã tổ hợp xét tuyển	Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (Điểm sàn)	
				Điểm thi tốt nghiệp THPT	Điểm kết quả học tập THPT
1	7460108	Khoa học dữ liệu	A00, A01, C01, X01, D01	17	20
2	7340122	Thương mại điện tử	A00, A01, C04, X01, D01	17	20
3	7340301	Kế toán	A00, A01, X01, D01, D07	17	20
4	7340101	Quản trị kinh doanh	A00, A01, C04, X01, D01	17	20
5	7340404	Quản trị nhân lực	A00, C00, X01, D01, D14	17	20
6	7340115	Marketing	A00, A01, C04, X01, D01	17	20
7	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	A00, A01, C01, X01, D01	17	20
8	7340120	Kinh doanh quốc tế	A00, A01, C04, X01, D01	17	20
9	7340403	Quản lý công	A00, A01, C01, X01, D01	17	20
10	7380107	Luật kinh tế	A00, C00, X01, D01, D14	18	21
11	7340201	Tài chính - Ngân hàng	A00, A01, C01, X01, D01	17	20
12	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A00, C00, C04, X01, D01	17	20
13	7310101	Kinh tế	A00, A01, C04, X01, D01	17	20
14	7310104	Kinh tế đầu tư	A00, A01, C04, X01, D01	17	20
15	7310105	Kinh tế phát triển	A00, A01, C04, X01, D01	17	20
16	7340101-TA	Quản trị kinh doanh	A00, A01, C04, X01, D01	17	20
17	7340115-TA	Marketing	A00, A01, C04, X01, D01	17	20
18	7340201-TA	Tài chính - Ngân hàng	A00, A01, C01, X01, D01	17	20
19	7810103- TA	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A00, C00, C04, X01, D01	17	20
20	7310101-HG	Kinh tế	A00, A01, C04, X01, D01	17	20
21	7810103-HG	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A00, C00, C04, X01, D01	17	20

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với phương thức sử dụng kết quả bài thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (kỳ thi V-SAT) được quy đổi tương đương sang điểm thi tốt nghiệp THPT theo thang điểm 30 là **17 điểm** (đã bao gồm điểm ưu tiên khu vực và đối tượng (nếu có)); riêng đối với Ngành Luật kinh tế là **18 điểm** (đã bao gồm điểm ưu tiên khu vực và đối tượng (nếu có));

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với phương thức sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực (HSA) của ĐHQGHN được quy đổi tương đương sang điểm thi tốt nghiệp THPT theo thang điểm 30 là **17 điểm** (đã bao gồm điểm ưu tiên khu vực và đối tượng (nếu có)); riêng đối với Ngành Luật kinh tế là **18 điểm** (đã bao gồm điểm ưu tiên khu vực và đối tượng (nếu có));

Lưu ý:

- Ngưỡng điểm nhận hồ sơ xét tuyển bao gồm điểm bài thi/môn thi theo từng tổ hợp xét tuyển theo thang điểm 30 đã bao gồm điểm ưu tiên khu vực và đối tượng (nếu có).

- Thí sinh xét tuyển theo các phương thức xét tuyển của Trường đều phải đăng ký nguyện vọng trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo mới được Nhà trường xét tuyển.

Điều kiện đối với thí sinh đăng ký ngành Luật kinh tế:

TT	Mã phương thức xét tuyển	Điều kiện				Ghi chú
		Tổ hợp xét tuyển	Điểm thi TNTHPT 2025	Điểm kết quả học tập THPT	Điểm xét tuyển	
1	100	D01, X01	(Toán + Ngữ văn) $\geq 12,0$	-	$\geq 18,0$	
		A00	Toán $\geq 6,0$	-	$\geq 18,0$	
		C00, D14	Văn $\geq 6,0$	-	$\geq 18,0$	
2	200	D01, X01	-	(Toán + Ngữ văn) $\geq 12,0$	$\geq 21,0$	
		A00	-	Toán $\geq 6,0$	$\geq 21,0$	
		C00, D14	-	Văn $\geq 6,0$	$\geq 21,0$	

II. Quy đổi điểm giữa các phương thức xét tuyển hệ đại học chính quy năm 2025:

1. Quy đổi điểm tương đương giữa kết quả học tập THPT và điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 áp dụng cho phương thức 3 (Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (mã phương thức xét tuyển 200))

Dựa trên sử dụng kết quả học trung học phổ thông, căn cứ số liệu thống kê về tương quan giữa điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 với điểm trung bình các môn học THPT theo Công văn số 4222/BGDĐT-GDĐH ngày 21/7/2025 về việc đối sánh phổ điểm một số tổ hợp điểm thi trung học phổ thông năm 2025, điểm học tập bậc trung học phổ thông. Nhà trường quy đổi điểm tương đương giữa kết quả học tập THPT và điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo thang đo 30:

Quy đổi điểm kết quả THPT và điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo các mức phân vị

TÓP	KQ học tập THPT	Điểm thi TN THPT
5%	27,70	26,00
10%	27,20	24,50
20%	25,35	22,35
40%	22,00	19,00
50%	20,60	17,60
> 60%	19,25	16,25

- Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh sử dụng 09 tổ hợp: A00, A01, C00, C01, C04, D01, D07, D14, X01;

- Không có chênh lệch điểm xét tuyển, điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển.

Xây dựng Bảng quy đổi điểm kết quả học tập THPT sang điểm thi tốt nghiệp THPT theo phương pháp bách phân vị, kết hợp phép nội suy tuyến tính để quy đổi điểm cụ thể cho từng mốc điểm.

Công thức nội suy tuyến tính:

$$y = c + \left(\frac{x - a}{b - a} \right) \times (d - c)$$

Trong đó: x là điểm tổ hợp theo kết quả học tập THPT; a, b là hai điểm mốc xác định khoảng điểm tổ hợp theo kết quả học tập THPT; y là điểm tổ hợp quy đổi tương đương tổ hợp điểm tốt nghiệp THPT; c, d là hai điểm tổ hợp mốc xác định khoảng tổ hợp điểm tốt nghiệp THPT tương ứng ($c < y \leq d$).

Ví dụ, một thí sinh xét khối A00 có điểm tổng điểm kết quả học tập THPT $x = 21,5$ trong khoảng $20,25 < x \leq 22$ thuộc TÓP 50% nên $a = 20,25$; $b = 22,00$; $c = 17,6$ và $d = 19$. Áp dụng công thức nội suy tuyến tính, điểm sau khi quy đổi sang điểm THPT là:

$$y = c + \frac{(x - a)}{(b - a)} \times (d - c) = 17,6 + \frac{(21,50 - 20,60)}{(22,00 - 20,25)} \times (19 - 17,6) = 18,5$$

2. Quy đổi tương đương giữa kết quả bài thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (kỳ thi V-SAT) và điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 áp dụng cho phương thức 4 (Xét tuyển sử dụng kết quả bài thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (kỳ thi V-SAT) (mã phương thức xét tuyển 416)):

Khoảng quy đổi điểm thi V- SAT và điểm thi tốt nghiệp THPT các môn thi theo phân vị:

TÓP THỨ	Toán		Vật lý		Hóa học	
	Điểm thi V-SAT	Điểm thi TN THPT	Điểm thi V-SAT	Điểm thi TN THPT	Điểm thi V-SAT	Điểm thi TN THPT
3%	132,00	8,50	123,00	9,50	129,00	9,50
5%	128,50	8,10	118,50	9,25	124,50	9,25
10%	122,50	7,75	112,50	9,00	117,00	8,75
20%	114,50	7,00	105,00	8,50	107,05	8,25
30%	108,00	6,60	99,50	8,00	100,50	7,75
40%	102,50	6,25	94,50	7,75	94,00	7,25
50%	97,00	6,00	90,00	7,50	88,00	6,75
60%	91,00	5,60	85,00	7,25	81,50	6,25
70%	85,00	5,25	80,00	6,75	75,50	5,75
80%	77,50	5,00	74,00	6,35	68,50	5,25
90%	68,00	4,50	66,50	5,75	59,50	4,60
> 90%	6,00	1,50	17,00	3,05	20,00	1,35

TỔP THỨ	Lịch sử		Địa lý		Tiếng Anh		Ngữ văn	
	Điểm thi V-SAT	Điểm thi TN THPT	Điểm thi V-SAT	Điểm thi TN THPT	Điểm thi V-SAT	Điểm thi TN THPT	Điểm thi V-SAT	Điểm thi TN THPT
3%	133,50	9,75	124,00	10,00	131,00	7,75	129,50	9,25
5%	131,00	9,50	120,50	10,00	127,50	7,50	127,50	9,00
10%	126,50	9,25	115,50	9,75	120,50	7,00	124,00	9,00
20%	120,50	9,00	108,50	9,25	112,00	6,50	119,50	8,75
30%	115,00	8,50	103,00	9,00	105,00	6,00	115,50	8,50
40%	110,00	8,25	98,50	8,75	98,50	5,75	112,50	8,25
50%	105,50	8,00	94,00	8,50	92,00	5,50	109,00	8,00
60%	101,00	7,75	89,50	8,25	85,50	5,25	106,00	7,75
70%	95,50	7,50	84,50	7,75	78,50	5,00	102,00	7,50
80%	88,50	7,00	79,00	7,25	70,50	4,50	97,00	7,25
90%	79,50	6,35	71,00	6,50	60,00	4,00	90,00	6,75
> 90%	36,50	2,95	31,00	3,00	20,50	1,25	5,00	3,50

Xây dựng Bảng quy đổi điểm thi các môn thi V-SAT sang điểm thi tốt nghiệp THPT theo phương pháp bách phân vị, kết hợp phép nội suy tuyến tính để quy đổi điểm cụ thể cho từng mốc điểm.

Công thức nội suy tuyến tính:

$$y = c + \left(\frac{x - a}{b - a} \right) \times (d - c)$$

Trong đó: x điểm V-SAT thí sinh; a, b là hai điểm mốc xác định khoảng điểm V-SAT ($a < x \leq b$); y là điểm quy đổi tương đương điểm tốt nghiệp THPT; c, d là hai điểm mốc xác định khoảng điểm tốt nghiệp THPT tương ứng ($c < y \leq d$).

Tương ứng với mỗi môn, mỗi phương thức sẽ có 1 bảng quy đổi điểm tương đương với điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 riêng biệt (thể hiện các giá trị a, b, c và d tương ứng với mỗi khoảng phân vị). Bảng quy đổi điểm được xây dựng dựa trên kết quả phân tích và đối sánh tương ứng theo từng môn giữa điểm V-SAT với điểm thi tốt nghiệp THPT.

Ví dụ, một học sinh có điểm V-SAT môn Toán $x = 115$ trong khoảng $114.5 < x \leq 122.5$ thuộc TỐP THỨ 20% nên $a = 114.5$; $b = 122.5$; $c = 7.0$ và $d = 7.75$. Áp dụng công thức nội suy tuyến tính, điểm sau khi quy đổi sang điểm THPT là:

$$y = c + \left(\frac{x - a}{b - a} \right) \times (d - c) = 7 + \left(\frac{115 - 114.5}{122.5 - 114.5} \right) \times (7.75 - 7) = 7.05$$

3. Quy đổi tương đương giữa điểm thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội (bài thi HSA) và điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 áp dụng cho phương thức 5 (Xét tuyển sử dụng kết quả bài thi đánh giá năng lực (ĐGNL) của Đại học Quốc gia Hà Nội (bài thi HSA) (mã phương thức xét tuyển 402))

Mức điểm tương đương theo tổp của điểm HSA và điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025:

Tổp (%)	HSA	A00	C00	D01
3*	129	30,00	29,50	27,75
0,5	114	28,75	28,75	26,25
1	111	28,50	28,50	25,75
2	108	28,25	28,50	25,50
3	105	27,75	28,25	25,00
5	102	27,5	28,00	24,50
10	98	27,00	27,50	24,00
20	91	25,75	26,75	22,75
30	86	24,75	26,25	22,00
40	82	23,75	25,75	21,35
50	78	22,75	25,00	20,75
60	74	21,60	24,50	20,00
70	70	20,50	23,50	19,35
80	66	19,20	22,60	18,60
90	60	17,25	21,00	17,50
100	31	7,95	12,00	10,87

III. Kênh thông tin tuyển sinh:

Thí sinh cần theo dõi và cập nhật thông tin tại các địa chỉ sau:

- Cổng thông tin điện tử của Trường ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh:

<https://tueba.edu.vn/> mục Tuyển sinh

- Hotline (trong giờ hành chính): 0987.697.697

- Email: tuyensinhdhkt@tueba.edu.vn.

Trân trọng thông báo.

Nơi nhận: *Ruy*

- ĐHTN (b/c);
- HĐTS trường (b/c);
- Đăng tải Website Trường (để t/b);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



PGS.TS. Đinh Hồng Linh